

Số: 467/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 10 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 338/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1/ Ông Đào Hồng Q, sinh năm 1981

Thường trú: đường Đ, khu phố B, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1991

Thường trú: đường T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Đào Gia H, sinh ngày 20/5/2017. Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Gia H, ông Đào Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 240/2015, quyển số 03/2015, đăng ký ngày 14/12/2015, do Ủy ban nhân dân thị trấn Di Linh, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp cho ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T không còn giá trị pháp lý).

1.2 Về con chung: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T có 01 con chung tên Đào Gia H, sinh ngày 20/5/2017.

Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đào Gia H, ông Đào Hồng Q cấp dưỡng nuôi con chung Đào Gia H mỗi tháng 5.000.000 đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng, nếu ông Đào Hồng Q chưa thi hành, thì hàng tháng ông Đào Hồng Q còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm thực hiện tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo mức lãi suất các bên đã tự thỏa thuận là 10%/năm.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

1.4 Về lệ phí: Ông Đào Hồng Q và bà Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0056962 ngày 14/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- CQ thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Châu